

Bản án số: 82/2023/HS-PT

Ngày: 31 - 3 - 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Đình Triết;
2. Ông Trần Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2026/TLPT-HS, ngày 11/02/2026 đối với bị cáo Tống Minh S, về tội “Trộm cắp tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 09/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Tống Minh S** - Sinh năm 1987, tại tỉnh Đắk Lắk; số Căn cước công dân: 066087016279; giới tính: Nam; nơi thường trú: Số A đường X, phường B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Số A đường L, phường B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tống Minh C, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1965; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị S1, sinh năm 1990 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 09/6/2008, bị Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau bằng hình thức phạt tiền 200.000 đồng (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt tại phiên tòa.

* ***Bị hại:*** Hợp tác xã D; địa chỉ: Số D H, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1986; địa chỉ: A Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/7/2025, Tống Minh S được Hợp tác xã D nhận vào làm thực tập viên lái xe ô tô buýt (xe buýt) biển kiểm soát 47F - 000.43, xe chạy tuyến Buôn M - Buôn H và ngược lại, do anh Nguyễn Thanh T là lái xe và anh Huỳnh Quang T1 là nhân viên bán vé.

Khoảng 12 giờ 40 phút cùng ngày, anh T điều khiển xe ô tô buýt biển kiểm soát 47F - 000.43 đi đến Chi nhánh V Hợp tác xã D tại phường B, tỉnh Đắk Lắk, gặp anh Nguyễn Văn P1 để lấy hàng hóa về giao tại Chi nhánh văn phòng Hợp tác xã D, tại số G L, phường T, tỉnh Đắk Lắk, do anh Phạm Văn P là Giám đốc). Trong số hàng nhận, có 01 kiện hàng được bọc xung quanh bằng 01 tờ giấy A4 màu trắng dán kín bằng keo trong suốt, bên trong có 16.460.000 đồng, bên ngoài ghi rõ số tiền “16.460.000 đồng” được giao về cho anh Phạm Văn P. Quá trình di chuyển trên xe, qua nói chuyện với anh T1, thì Tống Minh S biết được bên trong kiện hàng trên có tiền nên nảy sinh ý định trộm cắp. Đến khoảng 13 giờ 42 phút cùng ngày, khi xe ô tô buýt biển kiểm soát 47F - 000.43 đi từ phường B đến khu V, thuộc tổ dân phố H, phường T, tỉnh Đắk Lắk, lợi dụng khi anh Huỳnh Quang T1 để kiện hàng có số tiền 16.460.000 đồng trên nắp Ca pô (khu vực ca bin) bên trong xe ô tô buýt, thì Tống Minh S đã trộm cắp số tiền trên cất giấu phía sau lưng quần của mình. Khi hết ca làm, Tống Minh S mang tiền đã trộm cắp được về nhà rồi tiêu xài cá nhân hết. Sau đó anh Huỳnh Quang T1 phát hiện bị mất tài sản đã báo cáo với anh Phạm Văn P để kiểm tra dữ liệu Camera trên xe ô tô buýt biển kiểm soát 47F - 000.43, thì phát hiện Tống Minh S là người đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 16.460.000 đồng, nên anh P đã trình báo đến Công an phường T, tỉnh Đắk Lắk để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cơ quan Điều tra đã trưng cầu giám định. Tại Văn bản số 183/PC09 ngày 25/8/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ, trả lời việc trưng cầu giám định dữ liệu bên trong 01 USB có ký tự đọc là 32 GB của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ: Tập tin Video gửi giám định không đủ yếu tố để tiến hành giám định (do được quay lại từ thiết bị khác). Tại biên bản ngày 21/8/2025 về việc xem xét Camera: Sau khi xem lại 01 đoạn video Camera (quay lại bằng điện thoại), Tống Minh S thừa nhận người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong Video chính là Tống Minh S, nội dung của đoạn video Camera diễn ra đúng với diễn biến Tống Minh S đã thực hiện hành vi phạm tội.

Về dân sự: Sau khi sự việc bị phát hiện, gia đình bị cáo Tống Minh S đã giao nộp Cơ quan điều tra số tiền 16.460.000 đồng để bồi thường cho bị hại và Cơ quan điều tra trả lại số tiền này cho bị hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 09/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Tống Minh S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Tống Minh S 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/01/2026, bị cáo Tống Minh S có đơn kháng cáo, với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Tống Minh S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Về mức hình phạt 09 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, cần phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo. Do đó kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo, là không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tống Minh S; sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Bị cáo Tống Minh S 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày đi thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị cáo Tống Minh S có kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa, tuy bị cáo có đơn xin hoãn phiên tòa, nhưng không có lý do chính đáng; đồng thời sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử và Hội đồng xét xử không ra bản án không có lợi cho bị cáo. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bị cáo tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Tống Minh S được Hợp tác xã D nhận vào làm thực tập viên lái xe ô tô buýt biển kiểm soát 47F - 000.43. Vào khoảng 13 giờ 42 phút ngày 15/7/2025, khi xe ô tô buýt đi từ phường B đến khu vực Đô thị E, thuộc tổ dân phố H, phường T, tỉnh Đắk Lắk, lợi dụng khi anh Huỳnh Quang T1, là lái xe sơ hở và không để ý, bị cáo đã có hành vi trộm cắp kiện hàng có

số tiền 16.460.000 đồng của Hợp tác xã D để trên nắp Ca pô (khu vực ca bin) bên trong xe ô tô buýt, để sử dụng tiêu xài cá nhân. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Tống Minh S về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ và đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2.2] Đối với kháng cáo của bị cáo Tống Minh S, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an chung của xã hội, nên bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện; ngoài ra, bị cáo là người có nhân thân xấu. Do đó cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo và để đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội, nên kháng cáo của bị cáo đề nghị được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận. Xét về mức hình phạt 09 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; đồng thời bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[3] Về án phí: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị cáo Tống Minh S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Tống Minh S; sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 09/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk về phần hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Tống Minh S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Tống Minh S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày đi thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Tống Minh S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1;
- VKSND khu vực 1;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- ...;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình